

# TIẾP TỤC THỂ CHẾ HÓA QUYỀN LỰC CỦA NHÂN DÂN THÀNH PHÁP LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRẦN NGỌC LIÊU (\*)

*Bài viết góp phần luận giải nhằm làm rõ thêm vấn đề tiếp tục thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành pháp luật trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo tác giả, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về thực chất, là xây dựng và hoàn thiện hình thức tổ chức và phương thức thực thi quyền lực của nhân dân. Để đạt được mục tiêu đó, cần tiếp tục đổi mới tư duy lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tiếp tục thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành pháp luật; đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước và các thiết chế chính trị - xã hội khác nhằm bảo đảm thực thi quyền lực của nhân dân.*

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi phải thể chế hóa và đảm bảo thực thi quyền lực của nhân dân. Muốn vậy, cần phải xác định được hệ thống quyền lực của nhân dân. Như chúng ta đã biết, “quyền lực” là một quan hệ xã hội, trong đó *sức mạnh* và *ý chí* của một bên được bên kia thừa nhận. Như vậy, quyền lực của nhân dân là sức mạnh và ý chí của nhân dân được thừa nhận. Vấn đề đặt ra ở đây là, *nói đến quyền lực của nhân dân tức là xét quan hệ của nhân dân với lực lượng nào, và lực lượng nào thừa nhận quyền lực của nhân dân?* Đây chính là vấn đề rất căn bản mà nếu không được làm rõ, thì không thể làm rõ quyền lực của nhân dân là gì.

Khi chúng ta khẳng định nhân dân là toàn dân và nhân dân là chủ thể tối cao, duy nhất của mọi quyền lực, hay nói theo cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “tất cả quyền hành và lực lượng

đều ở nơi dân”, thì trên thực tế, *quan hệ quyền lực* của nhân dân là *quan hệ với chính mình*, bởi nhân dân vừa là *chủ thể* vừa là *đối tượng* của quyền lực, và sự thừa nhận ở đây chính là sự *tự thừa nhận*. Nói cách khác, sức mạnh và ý chí của nhân dân sẽ trở thành quyền lực khi nhân dân tự giác về sức mạnh và ý chí của chính mình. Không phải ngẫu nhiên mà C.Mác đã nêu lên một chỉ dẫn quan trọng cho các Đảng Cộng sản khi ông cho rằng, vấn đề không phải là chỉ cho giai cấp công nhân biết họ phải làm gì, mà là chỉ cho họ thấy họ là ai, khi đó tự họ sẽ biết phải làm gì. Đây chính là quan điểm nhấn mạnh đến vai trò của sự tự giác đối với quá trình hình thành quyền lực của nhân dân.

Với Hồ Chí Minh, làm cho nhân dân *tự giác về sức mạnh* và nhu cầu, nguyện vọng của họ là nhiệm vụ có ý nghĩa

(\*) Tiến sĩ, Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

quyết định đối với sự thành công của cách mạng. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh của nhân dân là vô địch. Người chỉ rõ: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”(1). Nhưng sự nghiệp đoàn kết nhân dân chỉ có thể thực hiện được khi đó là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân.

Sức mạnh của nhân dân là vô địch và thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong lĩnh vực *chính trị*, sức mạnh của nhân dân thể hiện ở chỗ, nhân dân là lực lượng đánh đuổi các lực lượng ngoại xâm, đánh bại các lực lượng chính trị phản động. Nhân dân là người dựng nên chế độ xã hội mới, dựng nên chế độ chính trị mới, bao gồm toàn bộ các thiết chế quyền lực trong đó. Các nguyên tắc tổ chức và vận hành của quyền lực trong chế độ xã hội mới là sự thể hiện ý chí của nhân dân. Nhân dân là người tạo các điều kiện từ vật chất đến tinh thần cho các thiết chế chính trị tồn tại, hoạt động. Nhân dân có thể loại bỏ bất cứ thiết chế chính trị nào vốn do họ lập nên, “ủy thác” một phần quyền lực nếu thiết chế ấy làm mất niềm tin của họ, v.v.. Hồ Chí Minh đã viết: “Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*”.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*”(2).

Trong lĩnh vực *kinh tế*, nhân dân là

lực lượng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần, tạo ra mọi nền văn minh và nền văn hóa, là động lực cho xã hội không ngừng phát triển. Hồ Chí Minh viết: “Lịch sử xã hội do người lao động tạo ra”(3). Bản thân nhân dân là nhân tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất. Mọi động lực vật chất và tinh thần cho sự tồn tại và phát triển của xã hội đều ở trong nhân dân. Không phải ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh rằng, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước chính là đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân. Tài dân, sức dân, của dân chính là sức mạnh của nhân dân về kinh tế.

Trong lĩnh vực *văn hóa và xã hội*, nhân dân chính là chủ thể có năng lực sáng tạo vô tận đối với các giá trị văn hóa, đạo đức và các chuẩn mực, định hướng giá trị khác cho các quan hệ xã hội. Nhân dân có đủ khả năng lập nên những thiết chế văn hóa, thiết chế xã hội để làm công cụ phục vụ cho các nhu cầu văn hóa, xã hội của mình cũng như giải tán các thiết chế đó nếu chúng hoạt động không hiệu quả.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ý thức rất rõ sự cần thiết phải nhận thức được một cách thật đúng đắn, thật đầy đủ sức mạnh và ý chí của nhân dân và quan trọng hơn, phải giúp cho nhân dân nhận thức được sức mạnh và ý chí của chính họ. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải nghe dân, hiểu dân, yêu dân, kính dân, trọng dân, tin dân.

Ở đây còn một vấn đề cần chú ý: sức

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.276.

(2) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.698.

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr.20.

manh của nhân dân là vô địch, song không phải lúc nào sức mạnh ấy cũng được ý thức và được phát huy đầy đủ. Ý chí của nhân dân cũng vậy, không phải lúc nào nhân dân cũng ý thức được một cách đầy đủ và tự giác về nhu cầu, lợi ích của bản thân mình. Hồ Chí Minh đã chỉ ra một thực tế: cũng là nhân dân Việt Nam, cũng là trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam, cũng là hệ thống giá trị văn hóa tư tưởng Việt Nam, song trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đảm đương sứ mệnh lãnh đạo cách mạng, cuộc đấu tranh của nhân dân đã không thành công. Hồ Chí Minh cũng đã từng nói: chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là động lực vĩ đại và duy nhất của cách mạng Việt Nam, của xã hội Việt Nam, song có lúc, chủ nghĩa yêu nước ấy chỉ như một đồ quý báu để trong hòm kín, nhiệm vụ của người cách mạng chính là phải đưa nó ra trưng bày, tức là phải khơi dậy, phát huy, phát triển chủ nghĩa yêu nước. Tóm lại, sức mạnh và ý chí của nhân dân thường nằm ở “lằn ranh” của hai trạng thái là *tiềm năng* và *hiện thực*. Nó cần phải được tôi rèn, bồi đắp, phát triển.

Hồ Chí Minh không tư duy một cách trừu tượng về nhân dân, mà trái lại, luôn nhìn về nhân dân với cái nhìn hiện thực. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ và tổ chức nhân dân nhằm khơi dậy, phát huy sức mạnh và ý chí của nhân dân. Bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng lĩnh vực giáo dục. Người chỉ cho nhân dân thấy rằng, “chúng ta là những người lao động làm chủ nước

nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ. Chúng ta học tập chính là để có đủ năng lực làm chủ, có đủ năng lực tổ chức cuộc sống mới - trước hết là tổ chức nền sản xuất mới. Bởi vậy, ý thức làm chủ không phải chỉ tỏ rõ ở tinh thần hăng hái lao động, mà còn phải tỏ rõ ở tinh thần say mê học tập để không ngừng nâng cao năng lực làm chủ của mình”(4).

Như vậy, một trong những nội dung cơ bản của việc xây dựng nhà nước pháp quyền chính là phải **xây dựng nhân dân thành chủ thể có đủ năng lực làm chủ, phát huy cao độ sức mạnh và ý chí của mình**. Về phía các cơ quan quyền lực, phải nhận thức đúng và đầy đủ về quyền lực của nhân dân, từ đó thể chế hóa quyền lực ấy thành luật pháp.

Khi bàn về vấn đề “thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành luật pháp” thì cần phải hiểu rằng, **cơ quan quyền lực có tư cách pháp lý trong việc thể chế hóa quyền lực của nhân dân cũng chính là công cụ quyền lực của nhân dân**. Như vậy, về thực chất, vẫn là nhân dân tự thừa nhận quyền lực của mình, nhưng dưới hình thức nhà nước và pháp luật. Đây là sự tự thừa nhận dưới hình thức pháp lý.

Thực tế cho thấy, ngay từ khi ra đời, Nhà nước (hiểu theo nghĩa bộ máy) Việt Nam mới đã xác định rõ nhiệm vụ thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành pháp luật, cao nhất là Hiến pháp. Hiến pháp 1946 tuy chưa có một chương riêng về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, song đã thể chế hóa những

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.103.

quyền lực căn bản của nhân dân trên các phương diện chính trị, kinh tế và văn hóa (điều 6). Chẳng hạn, các quyền: quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài (điều 10); quyền tư hữu tài sản (điều 12); quyền được chăm sóc, giúp đỡ (điều 14); quyền được đi học (điều 15); quyền được bầu cử, bãi miễn (điều 18, 20), v.v.. Riêng về quyền chính trị của nhân dân, Hiến pháp 1946 quy định năm quyền chính trị cơ bản, đó là “quyền tham gia chính quyền và kiến quốc” (điều 7), quyền bầu cử và quyền ứng cử (điều 18), quyền bãi miễn đại biểu mà mình đã bầu ra (điều 20), quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc liên quan đến vận mệnh quốc gia (điều 21). Nhiều nhà nghiên cứu đến nay vẫn đánh giá rất cao tính chất dân chủ và pháp quyền của Hiến pháp 1946.

Hiến pháp 1959 đã có một chương riêng quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (chương III). Trong toàn bộ bản Hiến pháp và nhất là trong chương III, hàng loạt quyền của nhân dân đã được tuyên bố, thực chất là sự thể chế hóa quyền lực căn bản của nhân dân; chẳng hạn, quyền được lập nên cơ quan lập pháp; quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình; quyền “khiếu nại và tố cáo với bất cứ cơ quan nhà nước nào về những hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan nhà nước. Những việc khiếu nại và tố cáo phải được xét và giải quyết nhanh chóng. Người bị thiệt hại vì hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan nhà nước có quyền được bồi thường”; “quyền

tự do nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học, nghệ thuật, và tiến hành các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ tính sáng tạo của những công dân theo đuổi sự nghiệp khoa học, văn học, nghệ thuật và các sự nghiệp văn hoá khác”, v.v.. Như vậy, nếu chỉ xét về các quyền chính trị của nhân dân thì Hiến pháp 1959 đã quy định bổ sung thêm hai quyền mới là quyền khiếu nại và quyền tố cáo.

Hiến pháp 1980 đặc biệt nhấn mạnh vấn đề quyền làm chủ tập thể của nhân dân, trong đó xác định quyền lực của nhân dân trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và gia đình; chẳng hạn, “Công dân có quyền tham gia quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội”, quyền bầu cử, ứng cử, bãi miễn; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, v.v.. Có thể thấy, quyền tham gia quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội là một sự bổ sung mới của Hiến pháp 1980 so với các Hiến pháp trước đó.

Hiến pháp 1992 (sửa đổi) thực sự đã có những bước phát triển rất quan trọng trong việc xác định và thể chế hóa quyền lực của nhân dân. Hiến pháp xác định rất rõ: Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Về

các quyền chính trị của nhân dân, ngoài các quyền cơ bản mà các Hiến pháp trước đã quy định, Hiến pháp 1992 (sửa đổi) đã bổ sung thêm ba quyền chính trị mới, đó là quyền tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương (điều 53), quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước (điều 53), quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (điều 53). Hiến pháp 1992 (sửa đổi) đã trở về với rất nhiều giá trị dân chủ và pháp quyền mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khởi xướng.

Những thành quả thể chế hóa quyền lực của nhân dân là rất đáng ghi nhận. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, còn nhiều vấn đề cần tiếp tục được giải quyết. Để tiếp tục đẩy mạnh thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành luật pháp, ngoài việc phát huy những thành quả, kinh nghiệm thành công đã có, chúng tôi cho rằng, cần chú ý thêm những vấn đề sau:

*Thứ nhất, cần luôn xác định rõ chủ thể của tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhân dân, và nhân dân cần được hiểu là toàn thể nhân dân, toàn thể dân tộc; trong đó, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân, trí thức.* Xét trên phương diện này, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính là xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà chúng ta xây dựng phải là khối đại đoàn kết với biên độ mở rộng tối đa. Theo tinh thần của Hồ Chí Minh, bất kỳ ai tán thành mục tiêu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh thì ta sẽ thật thà đoàn kết với họ.

Tất nhiên, mở rộng biên độ đoàn kết tối đa, song không phải là đoàn kết tùy tiện, vô nguyên tắc, đoàn kết không có định hướng. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và trí thức, lấy lợi ích chung của toàn dân tộc làm điểm quy tụ; dựa trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ để xây dựng và phát triển Mặt trận - cơ thể vật chất của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là thành viên, đồng thời là lực lượng lãnh đạo Mặt trận. Muốn vậy, Đảng phải là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, tập hợp vào đội ngũ của mình những phần tử ưu tú đến từ tất cả các tầng lớp trong xã hội (như Điều lệ Đảng đã quy định), là người đại diện cho lợi ích chung của cả dân tộc, tiêu biểu cho "trí tuệ, danh dự, lương tâm" của dân tộc. Địa vị và quyền lực lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là do sự tự nguyện thừa nhận của các thành viên Mặt trận mà không ngừng được củng cố vững chắc.

*Thứ hai, cần xác định rõ quyền lực của nhân dân.* Các bản Hiến pháp của chúng ta đều xác nhận "tất cả mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân", song hầu như mới dừng lại ở những định chế trong Hiến pháp mà chưa được cụ thể hoá trong các bộ luật và văn bản quy phạm pháp luật khác. Để xác định rõ quyền lực của nhân dân, từ đó thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành luật pháp, cần phân biệt quyền lực với quyền lợi. Quyền lợi là nhu cầu, lợi ích của nhân dân đã được thừa nhận và thể chế hóa. Song, nhu cầu và lợi ích chỉ là một bộ phận trong sức mạnh và ý chí của

nhân dân. Nghiên cứu các văn bản pháp luật quy định về quyền của nhân dân, chúng ta thấy phần nhiều trong số đó là quyền lợi. Có thể nói, quyền lợi của nhân dân đã được nhận thức và thể chế hóa khá cụ thể. Song, việc xác định và thể chế hóa quyền lực của nhân dân vẫn còn là vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu.

Việc xác định rõ và thể chế hóa quyền lực, chứ không chỉ là quyền lợi, của nhân dân sẽ góp phần tránh được tình trạng “ban ơn” từ phía các cơ quan quyền lực đối với nhân dân. Hơn nữa, việc xác định rõ và thể chế hóa quyền lực của nhân dân còn góp phần quan trọng trong việc ngăn chặn và khắc phục tình trạng quan liêu, cửa quyền, lạm quyền, lạm quyền của cán bộ nhà nước và các cơ quan quyền lực, tạo điều kiện để nhân dân thực sự tham gia vào công việc Nhà nước, có điều kiện thực thi quyền lực của mình thông qua Nhà nước và các thiết chế quyền lực khác. Có như vậy, cán bộ và các cơ quan quyền lực mới thực sự là “công bộc” của dân.

*Thứ ba, cần không ngừng nâng cao năng lực và ý thức làm chủ của nhân dân.* Giáo dục và đào tạo phải thực sự là quốc sách hàng đầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần chỉ rõ, Đảng và Nhà nước phải làm sao để nhân dân hiểu biết quyền của mình và khéo dùng quyền của mình. Không thể xác định và thể chế hóa quyền lực của nhân dân nếu không làm cho quyền lực ấy bộc lộ ra và không ngừng được nâng cao. Có một thực tế là những năm qua, Nhà nước đã có rất nhiều nỗ lực để từng bước hoàn thiện một hệ thống pháp luật đủ sức quản lý và điều hành xã hội. Song, việc giáo dục ý thức pháp luật,

văn hóa pháp luật cho nhân dân còn rất nhiều hạn chế. *Chừng nào nhân dân không hiểu luật, không biết đó là luật của mình, do mình và vì mình, không biết sử dụng luật làm công cụ thực thi quyền lực của mình thì chưa thể có nhà nước pháp quyền theo nghĩa đầy đủ nhất.* Phải làm sao để ý thức và năng lực làm chủ của người dân, bao gồm toàn bộ ý thức về sức mạnh, ý chí của mình, về hệ thống thiết chế quyền lực của mình, về hệ thống các nguyên tắc tổ chức, vận hành nhà nước và xã hội của mình, v.v., được phát triển, thì mới có thể từng bước đi tới một xã hội dân chủ thực sự, trong đó nhân dân sử dụng tất cả các thiết chế, nguyên tắc, v.v. nói trên để tự tổ chức đời sống của mình.

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề xây dựng nhân dân càng được đặt ra cấp bách. *Trên bình diện lý luận*, cần đầu tư trí tuệ để xây dựng một khái niệm “nhân dân” với nội hàm phản ánh được trình độ phát triển mà xã hội ta đã và sẽ đạt tới. Cần xác định một cách thật rõ ràng hình mẫu nhân dân - con người Việt Nam trong thời đại mới - với những phẩm chất và năng lực rõ ràng, xứng đáng là chủ thể của nước Việt Nam mới, từ đó định hướng cho quá trình xây dựng con người Việt Nam trong hiện thực. *Trên bình diện thực tiễn*, quá trình xây dựng nhân dân cần được đẩy mạnh trên nhiều cấp độ, mức độ khác nhau, từ xây dựng cá nhân người lao động, xây dựng các giai cấp và liên minh giai cấp đóng vai trò nòng cốt của nhân dân - liên minh công nhân, nông dân và trí thức đến xây dựng toàn thể dân tộc; từ xây dựng sức mạnh vật chất, bao gồm sức mạnh thể chất, sức

manh kinh tế, v.v., đến sức manh tinh thần, bao gồm trình độ nhận thức, năng lực tư duy, phẩm chất đạo đức, văn hóa, v.v.. Cần phải xác định thật rõ ràng trong tư duy, nhất là tư duy của lực lượng lãnh đạo xã hội rằng, xây dựng nhân dân là cốt lõi của xây dựng xã hội mới, chế độ mới, nhà nước mới; đồng thời, là cốt lõi của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Bởi lẽ, khi nhân dân chưa hội tụ và phát huy đầy đủ sức manh thì không thể nói đến quyền lực của nhân dân và càng không thể nói đến pháp quyền.

*Thứ tư, cần khoa học hóa, dân chủ hóa, nhân văn hóa* quy trình thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành luật pháp.

Cần học tập, tiếp thu kinh nghiệm lập pháp của các nước tiên tiến trên thế giới, tiến tới xây dựng và phát triển khoa học về lập pháp của Việt Nam. Không khoa học hóa hoạt động lập pháp thì không thể phản ánh đầy đủ, đúng đắn quyền lực của nhân dân vào hệ thống pháp luật; không thể xây dựng được một hệ thống luật pháp rõ ràng, minh bạch, khả thi; không thể làm cho luật pháp trở thành một công cụ để tổ chức, quản lý và điều hành một xã hội văn minh.

Cần dân chủ hóa hoạt động lập pháp để đảm bảo hệ thống pháp luật được lập ra là của nhân dân, vì nhân dân. Nói cách khác, hệ thống luật pháp phải do chính nhân dân lập ra thông qua những đại biểu thực sự của mình. Ý nguyện của nhân dân phải được lắng nghe, trân trọng, tiếp thu trong toàn bộ quy trình lập pháp. Nhân dân không thể hiểu luật, dùng luật nếu đó không phải là

luật do dân làm ra.

Mặt khác, cần nhân văn hóa hoạt động lập pháp để đảm bảo hệ thống luật pháp là sự thể chế hóa ý chí, nguyện vọng của các lực lượng tích cực, tiến bộ trong xã hội. Nhân văn hóa quy trình lập pháp chính là để pháp luật không chỉ phản ánh cái hiện có, mà còn phản ánh được cái cần có; để pháp luật tham gia định hướng sự phát triển của xã hội, đưa đất nước ta đi tới mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tóm lại, tiếp tục thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành pháp luật là một trong những nội dung quan trọng có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để tiếp tục thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành pháp luật một cách hiệu lực và hiệu quả, cần phải nhận thức đúng nội hàm của khái niệm “Nhân dân”, xác định đầy đủ hệ thống quyền lực của nhân dân, phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa quyền lực và quyền lợi của nhân dân. Đồng thời, phải đổi mới quy trình ban hành luật pháp theo hướng khoa học hóa, dân chủ hóa và nhân văn hóa. Thể chế hóa quyền lực của nhân dân thành pháp luật là một công việc khó khăn, phức tạp, song hiện thực hóa quyền lực của nhân dân còn khó khăn và phức tạp hơn nhiều. Vì vậy, để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi phải phát huy được sức manh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó Đảng Cộng sản, Nhà nước, các thiết chế chính trị - xã hội và nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định. □